

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ II

Môn Ngữ văn lớp 7

(Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian giao đề.)

I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)

Đọc bài thơ sau:

ÁNH TRĂNG

Hồi nhỏ sống với đồng
với sông rồi với bể
hồi chiến tranh ở rừng
vàng trăng thành tri kỷ

Trần trụi với thiên nhiên
hồn nhiên như cây cỏ
ngỡ không bao giờ quên
cái vàng trăng tình nghĩa

Từ hồi về thành phố
quen ánh điện, cửa gương
vàng trăng đi qua ngõ
như người dưng qua đường

Thình lình đèn điện tắt
phòng buyn-đinh tối om
vội bật tung cửa sổ
đột ngột vàng trăng tròn

Ngửa mặt lên nhìn mặt
có cái gì rưng rưng
như là đồng là bể
như là sông là rừng

Trăng cứ tròn vành vạnh
kể chi người vô tình
ánh trăng im phăng phắc
đủ cho ta giật mình.

(Ánh trăng, Nguyễn Duy, NXB Tác phẩm mới, 1984)

Lựa chọn đáp án đúng:

Câu 1. Bài thơ *Ánh trăng* được làm theo thể thơ nào?

- A. Bốn chữ
- B. Tự do
- C. Năm chữ
- D. Lục bát

Câu 2. Khi gặp lại vàng trăng trong một tình huống đột ngột, nhà thơ đã có cảm xúc như thế nào?

- A. Rưng rưng
- B. Lo âu
- C. Ngại ngùng
- D. Vô cảm

- Câu 3.** Trong bài thơ trên, tác giả nhắc tới những thời điểm nào?
 A. Hồi nhỏ
 B. Hồi về thành phố
 C. Hồi nhỏ, hồi chiến tranh và hồi về thành phố.
 D. Hồi chiến tranh.
- Câu 4.** Từ tri kỉ trong câu “*vàng trắng thành tri kỉ*” có nghĩa là gì?
 A. Người bạn rất thân, hiểu rõ lòng mình
 B. Biết được giá trị của người nào đó
 C. Người có hiểu biết rộng
 D. Biết ơn người khác đã giúp đỡ mình
- Câu 5.** Từ “*ngỡ*” trong câu “*ngỡ không bao giờ quên*” đồng nghĩa với từ nào?
 A. Nói
 B. Bảo
 C. Thấy
 D. Nghĩ
- Câu 6.** Biện pháp tu từ nào được sử dụng trong câu thơ “*như là đồng là bể - như là sông là rừng*”?
 A. Nhân hóa
 B. So sánh
 C. Nói quá
 D. Nói giảm, nói tránh
- Câu 7.** Hình ảnh “*trăng cứ tròn vành vạnh*” tượng trưng cho điều gì?
 A. Hạnh phúc viên mãn, tròn đầy.
 B. Hình ảnh của quá khứ nghĩa tình, vẫn tròn đầy, trọn vẹn.
 C. Thiên nhiên, vạn vật luôn tuần hoàn.
 D. Cuộc sống hiện tại no đủ, sung sướng.
- Câu 8.** Vì sao đến cuối bài thơ, tác giả lại “*giật mình*” ?
 A. Vì tác giả chợt nhận ra sự vô tình của mình và thấy cần phải trân trọng những gì đã qua.
 B. Vì tác giả vốn hay bị giật mình trước những tình huống bất ngờ.
 C. Vì vàng trắng đã gợi lại kỉ niệm xưa.
 D. Vì bất ngờ “*ta*” gặp lại vàng trắng xưa.

Trả lời câu hỏi / Thực hiện yêu cầu:

Câu 9. Câu chuyện trong bài thơ *Ánh trăng* muốn nhắc nhở chúng ta điều gì về thái độ sống?

Câu 10. Em hãy tìm một câu tục ngữ diễn tả chính xác nội dung của chủ đề tác phẩm.

II. LÀM VĂN (4.0 điểm)

Em hãy viết một bài văn thuyết minh về luật lệ trong trò chơi kéo co.

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ II
 MÔN NGỮ VĂN LỚP 7**

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
1		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	C	0,5
	2	A	0,5
	3	C	0,5
	4	A	0,5
	5	D	0,5

	6	B	0,5
	7	B	0,5
	8	A	0,5
	9	Bài thơ gọi lên những suy nghĩ về đạo lý, lẽ sống của người Việt ta. Câu chuyện trong bài thơ nhắc nhở chúng ta đừng bao giờ quên quá khứ, đừng bao giờ trở thành kẻ vô tình, bạc bẽo.	1
	10	Tục ngữ: “Uống nước nhớ nguồn”	1
II		VIẾT	4.0
		<i>a. Đảm bảo cấu trúc bài văn thuyết minh.</i>	0,25
		<i>b. Xác định đúng yêu cầu của đề. Giải thích quy tắc hay luật lệ trong một trò chơi hay hoạt động.</i>	0,25
		<i>c. Thuyết minh về luật lệ trong trò chơi kéo co. Học sinh có thể thuyết minh theo nhiều cách khác nhau nhưng vẫn đảm bảo được các yêu cầu sau:</i>	
		<ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu được trò chơi. - Miêu tả cách chơi (quy tắc). - Miêu tả luật chơi. - Nêu tác dụng của trò chơi. Nêu ý nghĩa của trò chơi.	2,5
		<i>d. Chính tả, ngữ pháp Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt</i>	0,5
	<i>e. Sáng tạo: Bỏ cục mạch lạc, tri thức chính xác, cô đọng, miêu tả sinh động hấp dẫn.</i>	0,5	

Đề 2

TRƯỜNG THCS THỌ NGHIỆP
TỔ KHOA HỌC XÃ HỘI

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II

Môn: Ngữ văn lớp 7

Thời gian làm bài: 90 phút

I. MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II

TT	Kĩ năng	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức				Tổng % điểm
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	

			TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	
1	Đọc hiểu	Truyện ngụ ngôn	3	0	5	0	0	2	0		60
2	Viết	Nghị luận về một vấn đề trong đời sống.	0	1*	0	1*	0	1*	0	1*	40
Tổng			15	5	25	15	0	30	0	10	100
Tỉ lệ %			20		40%		30%		10%		
Tỉ lệ chung			60%				40%				

II. BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Đọc hiểu	Truyện ngụ ngôn	Nhận biết: - Nhận biết được đề tài, chi tiết tiêu biểu của văn bản. - Nhận biết được ngôi kể, đặc điểm của lời kể trong truyện. - Nhận diện được nhân vật, tình huống, cốt truyện, không gian, thời gian trong truyện ngụ ngôn. - Xác định được số từ, phó từ, các thành phần chính và thành phần trạng ngữ trong câu (mở rộng bằng cụm từ). Thông hiểu: - Tóm tắt được cốt truyện.	3TN	5TN	2TL	

			<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc. - Phân tích, lí giải được ý nghĩa, tác dụng của các chi tiết tiêu biểu. - Trình bày được tính cách nhân vật thể hiện qua cử chỉ, hành động, lời thoại; qua lời của người kể chuyện. - Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của thành ngữ, tục ngữ; nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng; nghĩa của từ trong ngữ cảnh; công dụng của dấu chấm lửng; biện pháp tu từ nói quá, nói giảm nói tránh; chức năng của liên kết và mạch lạc trong văn bản. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Rút ra được bài học cho bản thân từ nội dung, ý nghĩa của câu chuyện trong tác phẩm. - Thể hiện được thái độ đồng tình / không đồng tình / đồng tình một phần với bài học được thể hiện qua tác phẩm. 				
2	Viết	Nghị luận về một vấn đề	Nhận biết: Nhận biết được yêu cầu của đề về kiểu văn bản, về vấn đề nghị luận.				1TL*